

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Tháng 8 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT <u>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</u>	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Hoàng Long

Ông Lê Ngọc Sơn

Ông Ngô Văn Vĩ

Ông Vũ Dương Ngọc Duy

Ông Bùi Kim Khánh

Ông Vũ Hoàng Chương

Chức vụ

Chủ tịch

Chủ tịch

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 06/04/2013

Miễn nhiệm ngày 06/04/2013

Ban Giám đốc

Ông Vũ Dương Ngọc Duy

Ông Nghiêm Xuân Văn

Ông Vũ Hoàng Chương

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 12/06/2013

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Dương Ngọc Duy

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Số: 197 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12/08/2013, từ trang 03 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Hạn chế

Công ty mới ghi nhận một phần khoản doanh thu hoạt động tài chính từ hoạt động đầu tư liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam, số cần được ghi nhận thêm vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 2.000.000.000 đồng.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình tại ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý như sau

Như trình bày tại thuyết minh số 05 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản ủy thác đầu tư từ năm 2007 vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) với giá trị là 10.000.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2013

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		154.803.479.524	160.169.747.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.083.605.764	12.038.650.730
1. Tiền	111		1.083.605.764	6.038.650.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.343.336.000	70.355.202.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	72.343.336.000	70.355.202.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.911.110.924	49.019.900.857
1. Phải thu khách hàng	131	6	35.762.933.419	41.177.466.273
2. Trả trước cho người bán	132	7	9.068.482.320	6.607.213.281
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		569.540.686	1.725.066.804
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(489.845.501)	(489.845.501)
IV. Hàng tồn kho	140	8	29.724.112.391	27.191.886.446
1. Hàng tồn kho	141		29.724.112.391	27.191.886.446
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.741.314.445	1.564.107.837
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		74.319.505	421.821.007
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		931.417.039	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	735.577.901	1.142.286.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		80.258.084.941	90.261.098.167
I. Tài sản cố định	220		63.725.015.422	64.547.361.251
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	38.666.372.687	40.446.320.481
- Nguyên giá	222		80.549.093.457	84.095.954.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.882.720.770)	(43.649.634.508)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	23.769.665.462	24.101.040.770
- Nguyên giá	228		26.825.063.225	26.825.063.225
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.055.397.763)	(2.724.022.455)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.288.977.273	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.770.300.000	23.250.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	12.770.300.000	12.770.300.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	-	10.480.500.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.762.769.519	2.462.936.916
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.762.769.519	2.462.936.916
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		235.061.564.465	250.430.846.037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MÃ SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		36.163.398.789	47.437.246.272
I. Nợ ngắn hạn	310		30.354.123.641	44.936.327.205
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	2.000.000.000	14.130.532.784
2. Phải trả người bán	312	16	3.918.115.652	11.952.586.043
3. Người mua trả tiền trước	313		1.811.884.642	35.772.652
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	454.402.476	2.437.952.833
5. Phải trả người lao động	315		1.473.664.279	2.260.434.992
6. Chi phí phải trả	316	18	7.206.360.119	5.952.018.161
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	12.494.579.294	8.090.604.292
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		995.117.179	76.425.448
II. Nợ dài hạn	330		5.809.275.148	2.500.919.067
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	2.604.008.716	1.916.578.717
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.000.000.000	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.205.266.432	584.340.350
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		198.898.165.676	202.993.599.765
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	198.898.165.676	202.993.599.765
1. Vốn điều lệ	411		119.820.500.000	119.820.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.306.398.800	69.306.398.800
3. Cổ phiếu quỹ	414		(22.877.138.591)	(22.136.611.468)
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.993.880.810	3.621.325.161
5. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		28.654.524.657	32.381.987.272
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		235.061.564.465	250.430.846.037

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại			
Tiền gửi USD		1.315,26	1.598,94



Vũ Dương Ngọc Duy
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Đào Trung Thanh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	22	80.314.089.333	83.640.146.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	80.314.089.333	83.640.146.206
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	63.816.669.677	67.165.029.795
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.497.419.656	16.475.116.411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.121.900.276	4.860.660.341
7. Chi phí tài chính	22	25	181.281.927	375.400.504
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.126.795	806.137.937
8. Chi phí bán hàng	24		8.141.134.494	9.608.733.546
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.230.033.348	5.550.467.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6.066.870.163	5.801.175.492
11. Thu nhập khác	31		977.530.049	927.343.355
12. Chi phí khác	32		3.510.479	49.286.329
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	974.019.570	878.057.026
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.040.889.733	6.679.232.518
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.000.424.886	1.666.268.772
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.040.464.847	5.012.963.746
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		558	460



Vũ Dương Ngọc Duy
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Đào Trung Thanh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		93.191.596.042	100.978.958.168
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(78.057.740.432)	(58.075.854.940)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(6.033.812.000)	(5.014.870.141)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(95.126.795)	(806.137.937)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1.467.261.709)	(938.346.048)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.891.510.509	2.905.703.978
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(13.115.433.143)	(24.809.556.554)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.686.267.528)	14.239.896.526
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.288.977.273)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.805.000.000)	(70.575.956.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.755.663.732	6.431.750.448
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.060.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.480.500.000	6.001.998.485
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.581.821.285	4.766.406.392
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.724.007.744	(56.435.800.675)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(740.527.123)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.582.617.496	34.806.949.170
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.713.150.280)	(28.793.440.128)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.122.376.220)	(13.071.192.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.993.436.127)	(7.057.682.958)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.955.695.911)	(49.253.587.107)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.038.650.730	70.196.552.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		650.945	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	4	6.083.605.764	20.942.965.613



Vũ Dương Ngọc Duy
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Đào Trung Thanh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Viettronics Tân Bình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103002463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/07/2004, thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Số CP	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/06/2013	
		VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vị	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
Tổng cộng	1.200.000	120.000.000.000	100,0	119.820.500.000	99,9

Trụ sở hoạt động tại: Số 248A Nơ Trang Long - Phường 12 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 130 người (tại ngày 31/12/2012 là 136 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo cao đẳng; Đào tạo đại học và sau đại học.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy tính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Góp vốn liên doanh

Khoản góp vốn liên doanh của Công ty là số tiền đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam. Trong kỳ Công ty đã thu hồi lại khoản đầu tư góp vốn liên doanh với Công ty TNHH JVC Việt Nam.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 30/06/2013, một số khoản công nợ phải thu ngắn hạn của Công ty đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ này vẫn có khả năng thu hồi trong thời gian tới, đồng thời số công nợ quá hạn chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng số công nợ phải thu. Do đó Công ty chưa trích lập thêm các khoản dự phòng đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm các phần mềm máy tính được sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: Chi phí tiền thuê đất, chi phí bản quyền, chi phí sửa chữa tài sản và công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo thời gian sử dụng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng ưu đãi Thuế suất thuế TNDN theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 và Nghị định 24/2007 của Chính phủ như sau:

- Được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 03 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2009).
- Hoạt động sản xuất máy vi tính của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất là 20% trong 10 năm (từ năm 2004 đến năm 2013).
- Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm đối với Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (từ năm 2010 đến năm 2011).
- Hoạt động đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong Khu công nghiệp Vĩnh Lộc được hưởng ưu đãi miễn thuế trong 03 năm (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm (từ năm 2012 đến năm 2016) đối với phần thu nhập tăng thêm.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	429.939.058	200.301.769
Tiền gửi ngân hàng	653.666.706	5.838.348.961
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	6.000.000.000
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng	<u>5.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>
Cộng	<u><u>6.083.605.764</u></u>	<u><u>12.038.650.730</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm	60.700.000.000	57.200.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>60.700.000.000</i>	<i>57.200.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác - Cho vay ngắn hạn	11.643.336.000	13.155.202.000
<i>Nhân viên Công ty</i>	<i>1.643.336.000</i>	<i>1.805.202.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB</i>	-	1.350.000.000
<i>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (i)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Cộng	<u>72.343.336.000</u>	<u>70.355.202.000</u>

Ghi chú: (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (Thành Việt) là số tiền Công ty đã thực hiện ủy thác đầu tư từ năm 2007. Thời điểm hiện tại Công ty đang tiếp tục làm việc với Thành Việt và cơ quan có thẩm quyền để thu hồi khoản đầu tư này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Vitek VTB TPHCM	4.136.424.146	7.572.835.286
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin VTB	1.328.176.719	2.211.435.235
Công ty Cổ phần Thương Mại JS-VTB	8.750.603.288	5.191.255.389
Công ty Cổ phần Vitek -VTB Hà Nội	17.222.930.960	14.513.837.552
Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.591.436.000
Các đối tượng khác	4.324.798.306	10.096.666.811
Cộng	<u>35.762.933.419</u>	<u>41.177.466.273</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 (i)	4.830.535.680	4.830.535.680
APEX DIGITAL TECH INC	-	1.098.586.650
PT. LG PHILIPS DISPLAYS INDONESIA	1.406.970.880	-
PERFECT DISPLAY	1.520.892.492	-
Các khách hàng khác	1.310.083.268	678.090.951
Cộng	<u>9.068.482.320</u>	<u>6.607.213.281</u>

Ghi chú: (i) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 là số tiền Công ty đã trả trước tiền thuê đất lần 1 và lần 2 của lô đất tại khu Khu Công nghiệp Cát Lái theo hợp đồng nguyên tắc Số 08/HĐNT- PTN- KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty và Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2). Tới thời điểm hiện tại Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2 chưa hoàn thiện các hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất chính thức, theo đó Ban Giám đốc Công ty chưa xác định nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất trong các giai đoạn tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.458.866.197	16.438.428.348
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.613.117.923	2.152.553.971
Thành phẩm	12.422.208.629	8.494.031.471
Hàng hoá	229.919.642	106.872.656
Cộng	29.724.112.391	27.191.886.446
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	29.724.112.391	27.191.886.446

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	182.217.626	141.010.000
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	553.360.275	1.001.276.830
Cộng	735.577.901	1.142.286.830

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	51.029.724.493	30.415.902.064	2.650.328.432	84.095.954.989
Tăng do mua sắm	-	474.737.727	-	474.737.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.021.599.259)	-	(4.021.599.259)
Tại ngày 30/06/2013	51.029.724.493	26.869.040.532	2.650.328.432	80.549.093.457
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	24.684.001.964	17.044.992.953	1.920.639.591	43.649.634.508
Khấu hao trong kỳ	783.556.416	1.392.654.517	78.474.588	2.254.685.521
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.021.599.259)	-	(4.021.599.259)
Tại ngày 30/06/2013	25.467.558.380	14.416.048.211	1.999.114.179	41.882.720.770
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	26.345.722.529	13.370.909.111	729.688.841	40.446.320.481
Tại ngày 30/06/2013	25.562.166.113	12.452.992.321	651.214.253	38.666.372.687

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng tại ngày 30/06/2013 là 48.034.083.836 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 49.008.380.114 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao đang còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 24.146.885.613 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 27.530.842.395 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	26.132.193.780	692.869.445	26.825.063.225
Tại ngày 30/06/2013	26.132.193.780	692.869.445	26.825.063.225
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	2.228.326.584	495.695.871	2.724.022.455
Khấu hao trong năm	303.862.716	27.512.592	331.375.308
Tại ngày 30/06/2013	2.532.189.300	523.208.463	3.055.397.763
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2013	23.903.867.196	197.173.574	24.101.040.770
Tại ngày 30/06/2013	23.600.004.480	169.660.982	23.769.665.462

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2013 là 23.600.004.480 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>30/06/2013</u>		<u>01/01/2013</u>	
	<u>Tỷ lệ</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thương mại JS - VTB	70,0%	3.500.000.000	70,0%	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	57,3%	3.060.000.000	57,3%	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM	51,0%	3.060.000.000	51,0%	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	51,0%	3.150.300.000	51,0%	3.150.300.000
Cộng		12.770.300.000		12.770.300.000

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2013

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết, năm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
		<u>%</u>	<u>%</u>	
Công ty Cổ phần Thương mại JS - VTB	TP. Hồ Chí Minh	70,0%	70,0%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Vitek VTB Hà Nội	Hà Nội	57,3%	57,3%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Vitek VTB TP HCM	TP. Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm điện tử, điện lạnh
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	TP. Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Sản xuất, mua bán máy tính, phần mềm và các linh kiện

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh	-	10.480.500.000
Công ty TNHH JVC Việt Nam (i)	-	10.480.500.000
Cộng	-	10.480.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Ghi chú: (i) Khoản góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH JVC Việt Nam với giá trị vốn đầu tư là 10.480.500.000 đồng, tương đương với 30% vốn Điều lệ của công ty liên doanh. Trong kỳ, Công ty TNHH JVC Việt Nam đã giải thể, do đó Công ty đã rút vốn đầu tư theo Biên bản họp số 16/BOD/JVL ngày 25/04/2013 được ký bởi Ban đại diện của hai công ty.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Số đầu năm	2.462.936.916	2.579.346.741
- Số tăng trong năm	2.791.779.714	1.083.590.175
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.491.947.111)	(1.200.000.000)
Số dư cuối năm	3.762.769.519	2.462.936.916

Chi tiết số dư như sau:

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	516.991.536	222.936.916
Chi phí sửa chữa	1.659.550.985	-
Chi phí khác	1.586.226.998	2.240.000.000
<i>Chi phí trả trước dài hạn dự án Phạm Văn Hai</i>	<i>519.999.998</i>	<i>1.040.000.000</i>
<i>Tiền thuê đất Khu 248A Nơ Trang Long</i>	<i>600.000.000</i>	<i>1.200.000.000</i>
<i>Chi phí tác quyền bài hát</i>	<i>466.227.000</i>	<i>-</i>
Cộng	3.762.769.519	2.462.936.916

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.000.000.000	14.130.532.784
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>14.130.532.784</i>
Cộng	2.000.000.000	14.130.532.784

Có hai khoản vay ngắn hạn sau:

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0283/TD4/11 ngày 19/09/2011 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: Thời hạn vay được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay bằng USD là lãi suất cho vay ngắn hạn tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo lãi suất cho vay ngoại tệ bằng USD do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty.

Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức số 005/TD4/11LD ngày 16/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định và Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình với hạn mức vay là 30 tỷ đồng; Thời hạn vay được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay; Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay theo lãi suất cho vay vốn ngắn hạn sản xuất kỳ hạn 6 tháng do ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh khi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thông báo lãi suất cho vay mới. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tin học Minh Thông	1.567.140.107	3.475.194.899
Công ty TNHH Điện Tử Samsung Vina	-	3.324.860.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin VTB	-	62.038.512
Các đối tượng khác	2.350.975.545	5.090.492.632
Cộng	<u>3.918.115.652</u>	<u>11.952.586.043</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.502.759.770
Thuế xuất, nhập khẩu	43.792.307	49.353.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.258.748	828.095.571
Thuế thu nhập cá nhân	49.351.421	57.744.168
Cộng	<u>454.402.476</u>	<u>2.437.952.833</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo hành, hỗ trợ khách hàng và tiền thuê đất	7.206.360.119	5.952.018.161
Cộng	<u>7.206.360.119</u>	<u>5.952.018.161</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	17.581.015	45.240.800
Bảo hiểm xã hội	169.136.958	16.029.359
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.307.861.321	8.029.334.133
Bao gồm:		
<i>Cửa hàng Thiết bị tin học Viễn thông Vĩnh Tường</i>	-	18.480.000
<i>Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Thành Việt (i)</i>	1.065.232.341	1.065.232.341
<i>Phải nộp Nhà nước (ii)</i>	6.679.845.151	6.679.845.151
<i>Phải trả cổ đông (iii)</i>	4.510.976.450	26.265.900
<i>Phải trả khác</i>	51.807.379	239.510.741
Cộng	<u>12.494.579.294</u>	<u>8.090.604.292</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt là số tiền Công ty đã nhận được từ việc bán số cổ phiếu thưởng của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Thành Việt để thu hồi khoản lãi từ hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, khoản tiền này Công ty chưa được xác định bù trừ vào khoản công nợ phải thu từ hoạt động đầu tư.
- (ii) Khoản phải nộp Nhà nước là số tiền truy thu từ hoạt động chuyển nhượng tài sản phát sinh từ năm 2009.
- (iii) Phải trả các cổ đông là số tiền cổ tức được chia lần 2 năm 2012 chưa chi trả hết cho các cổ đông với số tiền là 2.350.072.450 đồng và số tiền cổ tức chia thêm cho năm 2012 tương ứng 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013 với số tiền là 2.160.904.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	2.604.008.716	1.916.578.717
Phải trả khác	-	-
Cộng	<u><u>2.604.008.716</u></u>	<u><u>1.916.578.717</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS TÂN BÌNH
Số 248A Nơ Trang Long - Phường 12 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2011	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.136.611.468)	206.917.361	2.726.640.912	44.785.775.228	214.709.620.833							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.418.521.641							
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-			894.684.249	-			894.684.249
Giảm khác	-	-	-	(206.917.361)	-	-	-			(24.822.309.597)	-			(25.029.226.958)
Số dư tại ngày 01/01/2013	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.136.611.468)	-	3.621.325.161	32.381.987.272	202.993.599.765							
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.040.464.847							6.040.464.847
Tăng khác	-	-	(740.527.123)	-	-	-	(740.527.123)							(740.527.123)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	372.555.649	(9.767.927.462)	(9.395.371.813)							(9.395.371.813)
Số dư tại ngày 30/06/2013	119.820.500.000	69.306.398.800	(22.877.138.591)	-	3.993.880.810	28.654.524.657	198.898.165.676							

Ghi chú: (i) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 06/04/2013, theo đó việc phân phối lợi nhuận được thực hiện như sau:

Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
Nguồn lợi nhuận thực hiện phân phối năm 2012		15.718.521.641
Lợi nhuận phát sinh của các năm trước		3.300.000.000
Lợi nhuận trong năm 2012		12.418.521.641
Giá trị phân phối trong kỳ		15.214.257.462
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (8%)	8%	993.481.731
Trích tạo nguồn bù đắp CP Nghiên cứu phát triển 5%	5%	620.926.082
Trích quỹ dự phòng TC (3%)	3%	372.555.649
Phụ cấp cho các thành viên HĐQT		174.000.000
Chi trả cổ tức năm 2012	12%	13.053.294.000
Lợi nhuận để lại chưa phân phối		504.264.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 01/02/2013, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng, vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2013 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/06/2013	
	Số CP	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	357.000	35.700.000.000	29,75	66.549.600.000	55,46
Bùi Kim Khánh	10.837	1.083.700.000	0,90	-	-
Ngô Văn Vỹ	8.786	878.600.000	0,73	-	-
Vũ Hoàng Chương	8.981	898.100.000	0,75	-	-
Các cổ đông sáng lập khác	314.396	31.439.600.000	26,20	53.270.900.000	44,39
Các cổ đông khác	500.000	50.000.000.000	41,67	-	-
Tổng cộng	1.200.000	120.000.000.000	100,0	119.820.500.000	99,9

Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu phổ thông	11.982.050	11.982.050
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu phổ thông	1.177.530	1.089.390
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu phổ thông	10.804.520	10.892.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chia cổ tức cho các cổ đông với mức chia cổ tức là 12%. Trong đó, mức cổ tức đã tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2012 là 5%, số đã chia cổ tức trong kỳ này là 5% và số cổ tức còn lại 2% dự kiến sẽ chi trả trong năm 2013.

Tình hình thanh toán cổ tức như sau:

Giá trị cổ tức được chia	13.053.294.000
Giá trị cổ tức đã ứng trong năm 2012	5.446.330.000
Giá trị cổ tức đã thanh toán trong kỳ	3.122.376.220
Giá trị cổ tức còn phải trả	4.484.587.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.944.333.064	83.640.146.206
Doanh thu khác	1.369.756.269	-
Cộng	80.314.089.333	83.640.146.206
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.314.089.333	83.640.146.206

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và dịch vụ đã bán	62.752.035.931	67.165.029.795
Giá vốn hoạt động khác	1.064.633.746	-
Cộng	63.816.669.677	67.165.029.795

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	873.026.331	4.752.248.963
Cổ tức, Lợi nhuận được chia (i)	3.039.190.188	14.157.429
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	154.859.863	94.253.949
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	54.823.894	-
Cộng	4.121.900.276	4.860.660.341

Ghi chú: (i) Lợi nhuận được chia là số lãi Công ty nhận được từ việc rút vốn đầu tư do giải thể liên doanh Công ty TNHH JVC Việt Nam.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	95.126.795	806.137.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	86.155.132	82.794.192
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(1.022.945.785)
Chi phí tài chính khác	-	509.414.160
Cộng	181.281.927	375.400.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thu khác (i)	977.530.049	927.343.355
Thu nhập khác	977.530.049	927.343.355
Chi phí khác	3.510.479	49.286.329
Chi phí khác	3.510.479	49.286.329
Lợi nhuận khác	974.019.570	878.057.026

Ghi chú: (i) Thu nhập khác trong kỳ bao gồm số tiền 861.003.484 đồng Công ty thu từ lãi chậm trả của các Công ty con đối với các khoản chậm thanh toán tiền mua hàng.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	7.040.889.733	6.679.232.518
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.039.190.188)	(14.157.429)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	3.039.190.188	14.157.429
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.001.699.545	6.665.075.089
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.001.699.545	6.665.075.089
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.000.424.886	1.666.268.772

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 Công ty chưa thực hiện xác định các ưu đãi về thuế TNDN được hưởng theo quy định. Công ty sẽ tính toán và xác định số thuế TNDN được ưu đãi khi lập báo cáo tài chính năm 2013.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	49.934.175.347	59.974.209.362
Chi phí nhân công trực tiếp	6.033.272.300	5.655.963.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.586.060.830	2.707.102.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.714.169.957	8.117.515.773
Chi phí mua ngoài khác	2.594.143.129	2.076.049.943
Cộng	66.861.821.563	78.530.840.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	2.000.000.000	14.130.532.784
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.083.605.764	12.038.650.730
Nợ thuần	(4.083.605.764)	2.091.882.054
Vốn chủ sở hữu	198.898.165.676	202.993.599.765

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.083.605.764	12.038.650.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.842.628.604	42.412.687.576
Đầu tư ngắn hạn	72.343.336.000	70.355.202.000
Đầu tư dài hạn	-	10.480.500.000
Tài sản tài chính khác	1.741.314.445	1.564.107.837
Tổng cộng	<u>116.010.884.813</u>	<u>136.851.148.143</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.000.000.000	14.130.532.784
Phải trả người bán và phải trả khác	16.412.694.946	20.043.190.335
Chi phí phải trả	7.206.360.119	5.952.018.161
Tổng cộng	<u>25.619.055.065</u>	<u>40.125.741.280</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 30/06/2013, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 30/06/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.083.605.764	-	6.083.605.764
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.842.628.604	-	35.842.628.604
Đầu tư ngắn hạn	72.343.336.000	-	72.343.336.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	1.741.314.445	-	1.741.314.445
Cộng	116.010.884.813	-	116.010.884.813
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	16.412.694.946	-	16.412.694.946
Chi phí phải trả	7.206.360.119	-	7.206.360.119
Cộng	25.619.055.065	-	25.619.055.065
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	90.391.829.748	-	90.391.829.748
Tại ngày 01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.038.650.730	-	12.038.650.730
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.412.687.576	-	42.412.687.576
Đầu tư ngắn hạn	70.355.202.000	-	70.355.202.000
Đầu tư dài hạn	10.480.500.000	-	10.480.500.000
Tài sản tài chính khác	1.564.107.837	-	1.564.107.837
Cộng	136.851.148.143	-	136.851.148.143
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	14.130.532.784	-	14.130.532.784
Phải trả người bán và phải trả khác	20.043.190.335	-	20.043.190.335
Chi phí phải trả	5.952.018.161	-	5.952.018.161
Cộng	40.125.741.280	-	40.125.741.280
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	96.725.406.863	-	96.725.406.863

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Vũ Dương Ngọc Duy
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Đào Trung Thanh
Kế toán trưởng

Trương Thị Thùy Linh
Người lập biểu